

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA**
Số: 181 /ĐSTH-TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA**

2. Mã chứng khoán: **RTH**

3. Địa chỉ trụ sở chính: 46 Đại Lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

4. Điện thoại: 0373- 752521

Fax: 0373-850530

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Đường sắt Thanh Hóa.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/02/2017 tại đường dẫn www.duongssatthanhhoa.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: TCHC.

NGƯỜI THỰC HIỆN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



Đình Huy Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 32
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa cho năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Đường sắt Thanh Hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800190392 thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chi tiết xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết san lấp mặt bằng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết tư vấn lập dự án đầu tư;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác đá;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc; thiết kế công trình dân dụng, giao thông; lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt; quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Gia Khánh	Ủy viên
Ông Lê Quang Huy	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Gia Khánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Giám đốc
Ông Đới Sỹ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Thị Oanh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2017

TM. Ban giám đốc
Giám đốc



Hoàng Gia Khánh



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa, được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278.025.646.363	283.123.306.875
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		114.128.725.779	35.509.635.118
1.	Tiền	111	V.01	114.128.725.779	35.509.635.118
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.525.141.005	205.036.984.204
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	108.346.429.414	198.268.280.076
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.742.322.872	2.855.141.471
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	4.436.388.719	3.913.562.657
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.04	49.235.861.119	42.576.687.553
1.	Hàng tồn kho	141		49.235.861.119	42.576.687.553
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		135.918.460	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	135.918.460	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.056.242.303	19.264.964.144
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		14.788.817.013	18.472.712.883
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14.529.817.013	18.472.712.883
	- Nguyên giá	222		33.504.408.875	37.958.215.580
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.974.591.862)	(19.485.502.697)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	259.000.000	-
	- Nguyên giá	228		259.000.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		267.425.290	792.251.261
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	267.425.290	792.251.261
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293.081.888.666	302.388.271.019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		270.160.350.933	282.656.883.603
I.	Nợ ngắn hạn	310		270.160.350.933	282.656.883.603
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	160.911.647.774	102.293.422.750
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		38.932.354.878	24.100.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	12.212.975.800	15.405.846.999
4.	Phải trả người lao động	314		2.629.325.970	1.791.080.004
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		V.11	27.387.500	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.13	-	61.208.185.147
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.498.659.011	10.375.587.902
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	53.940.000.000	66.830.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.000.000	652.760.801
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.921.537.733	19.731.387.416
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	22.921.537.733	19.731.387.416
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.859.000.000	16.422.124.500
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	3.309.262.916
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.062.537.733	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.062.537.733	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí			-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		293.081.888.666	302.388.271.019

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh

Hoàng Gia Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	395.522.109.057	293.815.556.094
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		395.522.109.057	293.815.556.094
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	359.573.325.825	252.569.998.081
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.948.783.232	41.245.558.013
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	46.356.581	37.014.545
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	4.402.495.140	8.909.683.136
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.402.495.140	8.909.683.136
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	28.976.657.734	30.554.952.453
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.615.986.939	1.817.936.969
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	12.901.727	-
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		12.901.727	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.628.888.666	1.817.936.969
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	566.350.933	399.946.133
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.062.537.733	1.417.990.836
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	756	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	756	Không áp dụng

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh

Hoàng Gia Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		535.958.834.589	419.970.820.991
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(355.192.335.651)	(340.783.676.356)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(75.781.364.057)	(62.570.050.868)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(4.375.107.640)	(8.909.683.136)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(490.519.333)	(419.837.861)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.399.098.629	5.845.435.917
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.815.393.577)	(9.451.718.601)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.703.212.960	3.681.290.086
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(623.584.737)	(4.454.754.355)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.198.727.273	766.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.356.581	37.014.545
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		621.499.117	(3.651.285.265)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(815.621.416)	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		77.690.000.000	85.310.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.580.000.000)	(84.746.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.705.621.416)	563.200.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		78.619.090.661	593.204.821
	Tiền và tương đương tiền tại ngày 20/01/2016	60		35.509.635.118	34.916.430.297
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2016 (70 = 50+60+61)	70		114.128.725.779	35.509.635.118

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh

Hoàng Gia Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chi tiết xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết san lấp mặt bằng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết tư vấn lập dự án đầu tư;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác đá;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc; thiết kế công trình dân dụng, giao thông; lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt; quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	20 năm
- Phần mềm máy vi tính	05 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản nhằm mục đích cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>04/01/2016</u>
- Tiền mặt	45.054.330	25.387.958
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	114.083.671.449	35.484.247.160
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u><u>114.128.725.779</u></u>	<u><u>35.509.635.118</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	04/01/2016
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	108.346.429.414	198.268.280.076
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.345.742.309	50.939.529.201
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực II	4.913.285.000	68.050.212.000
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I	7.087.357.488	13.096.855.000
- Ban quản lý dự án huyện Hậu Lộc	25.837.017.000	11.394.649.000
- Ban quản lý DA giao thông 3 Thanh Hóa	10.197.535.000	3.112.000.000
- Ban QLDA giao thông 2 Thanh hóa	10.758.024.697	326.785.697
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	39.207.467.920	51.348.249.178
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	108.346.429.414	198.268.280.076

c) Các bên liên quan

	31/12/2016	04/01/2016
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	42.083.847.906	150.015.270.235
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.345.742.309	50.866.913.201
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực II	4.913.285.000	68.082.642.000
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I	7.087.357.488	13.096.855.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	3.281.726.000	1.540.368.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	812.835.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng	-	2.068.353.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	1.056.782.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	2.167.341.000	120.135.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	-	526.856.400
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	-	1.539.795.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	2.921.637.209	6.792.769.134
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	2.845.129.500
- Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội	1.153.111.150	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	1.978.345.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	4.041.674.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	-	2.535.454.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	2.324.011.750	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	42.083.847.906	150.015.270.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓASố 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.436.388.719	-	3.913.562.657	-
- Tạm ứng	160.000.000	-	625.100.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.340.236.000	-	1.966.000.000	-
- Phải thu khác	1.936.152.719	-	1.322.462.657	-
+ <i>Chi phí thu gom, bảo quản, thẩm định vật tư thu hồi năm 2015 (*)</i>	525.861.410	-	1.129.507.046	-
+ <i>Chi phí nhân công và vận chuyển vật tư thu hồi (CV 729) (*)</i>	614.554.727	-	-	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	795.736.582	-	192.955.611	-
b) <i>Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	4.436.388.719	-	3.913.562.657	-

(*): Đây là chi phí vận chuyển, trông coi, thu gom, bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo công văn số 3660/ĐS – TCKT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Sau khi bán đấu giá vật tư thu hồi, xác định được tiền thu bù trừ với chi phí thu gom, vận chuyển, nhượng bán của số vật tư thu hồi phần chênh lệch nộp ngân sách nhà nước.

04. Hàng tồn kho

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	798.541.889	-	11.072.050.475	-
- Công cụ, dụng cụ	254.975.573	-	237.218.101	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.182.343.657	-	31.267.418.977	-
Cộng	49.235.861.119	-	42.576.687.553	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓASố 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư tại ngày 04/01/2016	14.251.047.143	10.979.533.383	12.109.719.702	617.915.352	37.958.215.580
- Mua trong năm	-	69.090.909	-	-	69.090.909
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	295.493.828	-	-	-	295.493.828
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.252.268.180)	-	(3.252.268.180)
- Giảm khác	-	(1.566.123.262)	-	-	(1.566.123.262)
Số dư tại ngày 31/12/2016	14.546.540.971	9.482.501.030	8.857.451.522	617.915.352	33.504.408.875
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 04/01/2016	4.233.394.246	7.543.128.956	7.384.806.409	324.173.086	19.485.502.697
- Khấu hao trong năm	752.322.710	1.165.426.277	1.338.621.847	107.396.550	3.363.767.384
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.308.554.957)	-	(2.308.554.957)
- Giảm khác	-	(1.566.123.262)	-	-	(1.566.123.262)
Số dư tại ngày 31/12/2016	4.985.716.956	7.142.431.971	6.414.873.299	431.569.636	18.974.591.862
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 04/01/2016	10.017.652.897	3.436.404.427	4.724.913.293	293.742.266	18.472.712.883
2. Tại ngày 31/12/2016	9.560.824.015	2.340.069.059	2.442.578.223	186.345.716	14.529.817.013

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 698.155.636 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.713.369.480 đồng và 3.072.050.370 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nền đường sắt chính tuyến	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư tại ngày 04/01/2016</i>	-	-	-
- Mua trong năm	-	259.000.000	259.000.000
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 31/12/2016</i>	-	259.000.000	259.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư tại ngày 04/01/2016</i>	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 31/12/2016</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày 04/01/2016</i>	-	-	-
<i>2. Tại ngày 31/12/2016</i>	-	259.000.000	259.000.000

07. Chi phí trả trước

	31/12/2016	04/01/2016
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>135.918.460</i>	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	135.918.460	-
<i>b) Dài hạn</i>	<i>267.425.290</i>	<i>792.251.261</i>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	19.221.715	290.495.227
- Giá trị lợi thế kinh doanh	248.203.575	372.305.317
- Chi phí khác	-	129.450.717
Cộng	403.343.750	792.251.261

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuế tài chính	04/01/2016			31/12/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	66.830.000.000	66.830.000.000	77.690.000.000	90.580.000.000	53.940.000.000	53.940.000.000
- Vay ngân hàng	66.830.000.000	66.830.000.000	77.690.000.000	90.580.000.000	53.940.000.000	53.940.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	66.830.000.000	66.830.000.000	55.780.000.000	90.580.000.000	32.030.000.000	32.030.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	-	-	21.910.000.000	-	21.910.000.000	21.910.000.000
- Vay đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	66.830.000.000	66.830.000.000	77.690.000.000	90.580.000.000	53.940.000.000	53.940.000.000

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Phương thức đảm bảo khoản vay bao gồm:
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HD ngày 19/09/2011 giữa Bên vay và Ngân hàng với giá trị theo biên bản định giá ngày 18/07/2016 là 7.270.000.000 đồng;

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 06/01/2011 giữa Bên vay với Ngân hàng với giá trị theo biên bản định giá ngày 16/08/2016 là 4.772.000.000 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là lãi suất áp dụng cho từng giấy nhận nợ, là mức lãi suất cho vay ngắn hạn do Bên cho vay công bố tại Trụ sở của Bên cho vay ở thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu căn hộ chung cư số 2605, Tòa T1, Chung cư CT01 tại địa chỉ: Chung cư CT01, Trung tâm tài chính thương mại và các công trình phụ trợ, Khu đô thị mới Mỹ Lộ, phường Mỹ Lộ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 999370, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 34506 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2015 mang tên ông Hoàng Gia Khánh và bà Nguyễn Thị Phương Thanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Phải trả người bán

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	160.911.647.774	160.911.647.774	102.293.422.750	102.293.422.750
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	70.213.508.932	70.213.508.932	-	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	9.082.824.586	9.082.824.586	36.411.749.440	36.411.749.440
- Công ty Tư vấn và Thương mại Tân Cơ	-	-	4.769.443.017	4.769.443.017
- Công ty Cổ phần đá Hoàng Mai	4.023.453.839	4.023.453.839	-	1.945.557.543
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	77.591.860.417	77.591.860.417	61.112.230.293	59.166.672.750
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	160.911.647.774	160.911.647.774	102.293.422.750	102.293.422.750

31/12/2016

04/01/2016

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	70.213.508.932	70.213.508.932	-	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường Sắt	9.082.824.586	9.082.824.586	36.411.749.440	36.411.749.440
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng	368.844.000	368.844.000	768.844.000	768.844.000
- Công ty Cổ phần TTH Đường sắt Bắc Giang	46.880.000	46.880.000	166.594.077	166.594.077
- Công ty Cổ phần TTH Đường sắt Hà Nội	308.130.201	308.130.201	-	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	612.248.195	612.248.195	3.274.208.660	3.274.208.660
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	1.345.169.256	1.345.169.256	22.388.000	22.388.000
- Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt	895.779.301	895.779.301	235.926.000	235.926.000
- Công ty Cổ phần TTH Đường sắt Đà Nẵng	2.150.779.000	2.150.779.000	2.150.779.000	2.150.779.000
Cộng	85.024.163.471	85.024.163.471	43.030.489.177	43.030.489.177

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓASố 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu tại ngày 04/01/2016	Số phải nộp tại ngày 04/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu tại ngày 31/12/2016	Số phải nộp tại ngày 31/12/2016
- Thuế GTGT đầu ra	-	15.112.605.429	13.060.594.423	16.186.001.785	-	11.987.198.067
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	149.946.133	566.350.933	490.519.333	-	225.777.733
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	29.921.906	29.921.906	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	459.745.588	459.745.588	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	143.295.437	35.880.671	179.176.108	-	-
Cộng	-	15.405.846.999	14.158.493.521	17.351.364.720	-	12.212.975.800

11. Chi phí phải trả

<i>a) Ngắn hạn</i>	31/12/2016	04/01/2016
- Chi phí lãi vay	27.387.500	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
Cộng	27.387.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả khác

	31/12/2016	04/01/2016
a) Ngắn hạn	1.498.659.011	10.375.587.902
- Kinh phí công đoàn	84.780.484	155.083.069
- Bảo hiểm xã hội	297.406.489	701.624.424
- Bảo hiểm y tế	761.495.607	826.293.078
- Bảo hiểm thất nghiệp	90.597.251	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	6.049.726.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	264.379.180	2.642.861.331
+ <i>Vật tư thu hồi</i>	-	2.490.609.431
+ <i>Các đối tượng khác</i>	264.379.180	152.251.900
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.498.659.011	10.375.587.902

13. Phải trả nội bộ dài hạn

	31/12/2016	04/01/2016
- Phải trả dài hạn Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	-	61.208.185.147
Cộng	-	61.208.185.147

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	16.651.149.292	-	141.768.122	1.289.081.820	18.081.999.234
Tăng vốn trong năm trước	76.825.901	3.309.262.916	-	-	3.386.088.817
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.417.990.836	1.417.990.836
Giảm vốn trong năm trước	(305.850.693)	-	(141.768.122)	-	(447.618.815)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.707.072.656)	(2.707.072.656)
Số dư tại 03/01/2016	16.422.124.500	3.309.262.916	-	-	19.731.387.416
Số dư tại 04/01/2016	16.422.124.500	3.309.262.916	-	-	19.731.387.416
Tăng vốn trong năm nay	5.252.496.916	-	-	-	5.252.496.916
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.062.537.733	2.062.537.733
Phải trả về Tổng Công ty	(815.621.416)	-	-	-	(815.621.416)
Giảm khác	-	(3.309.262.916)	-	-	(3.309.262.916)
Số dư tại 31/12/2016	20.859.000.000	-	-	2.062.537.733	22.921.537.733

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	04/01/2016	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	10.638.090.000	51%	16.422.124.500	100%
Vốn góp của các đối tượng khác	10.220.910.000	49%	-	0%
Cộng	20.859.000.000	100%	16.422.124.500	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.422.124.500	16.651.149.292
+ Vốn góp tăng trong năm	5.252.496.916	76.825.901
+ Vốn góp giảm trong năm	815.621.416	305.850.693
+ Vốn góp cuối năm	20.859.000.000	16.422.124.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.085.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.085.900
+ Cổ phiếu phổ thông	2.085.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.085.900
+ Cổ phiếu phổ thông	2.085.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>
- Doanh thu hoạt động công ích	94.602.523.635	84.014.750.116
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	300.919.585.422	209.800.805.978
Cộng	395.522.109.057	293.815.556.094

	<u>Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan ^(*)	231.949.091.529	154.557.101.111
Cộng	231.949.091.529	154.557.101.111

(*) Chi tiết xem tại thuyết minh VIII.02

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>
- Giá vốn hoạt động công ích	81.235.465.956	66.143.943.612
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	278.337.859.869	186.426.054.469
Cộng	359.573.325.825	252.569.998.081

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓASố 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.356.581	37.014.545
Cộng	46.356.581	37.014.545

04. Chi phí tài chính

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Lãi tiền vay	4.402.495.140	8.909.683.136
Cộng	4.402.495.140	8.909.683.136

05. Thu nhập khác

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.401.727	-
- Các khoản khác	1.500.000	-
Cộng	12.901.727	-

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	28.976.657.734	30.554.952.453
- Chi phí nhân viên quản lý	19.159.573.880	12.312.861.779
- Chi phí vật liệu quản lý	1.230.522.450	630.971.392
- Chi phí đồ dùng văn phòng	100.533.638	161.395.217
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.670.028.452	267.993.230
- Thuế, phí và lệ phí	346.665.795	400.670.390
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.565.348	1.862.253.733
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.016.768.171	14.918.806.712
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	28.976.657.734	30.554.952.453

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	525.777.733	399.946.133
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	40.573.200	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	566.350.933	399.946.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.062.537.733
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.062.537.733
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	485.597.333
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.085.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	756

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2016 tạm tính theo công văn số 112/ĐSTH-TCKT về việc đề nghị phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016.

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.062.537.733
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.062.537.733
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	485.597.333
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	2.085.900
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	756

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2016 tạm tính theo công văn số 112/ĐSTH-TCKT về việc đề nghị phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.819.492.941	94.821.341.565
- Chi phí nhân công	81.109.558.241	62.964.590.247
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.363.767.384	10.961.572.275
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.341.155.477	92.222.657.045
- Chi phí khác bằng tiền	14.830.934.196	19.861.284.656
Cộng	405.464.908.239	280.831.445.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>
Tiền lương	1.645.109.061	1.129.225.696
Tiền thưởng	355.183.500	152.524.961
Cộng	<u>2.000.292.561</u>	<u>1.281.750.657</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực I – Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực II – Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực III – Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần TTTT ĐS Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường Sắt	Công ty liên kết với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Viễn Thông tin Tín hiệu Đường sắt	Công ty liên kết với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu bán hàng	112.244.597.574	124.975.453.998
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực I – Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu xây dựng	14.963.770.910	17.181.089.091
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực II – Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu xây dựng	18.513.204.545	171.781.818
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực III – Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu xây dựng	53.519.044.546	-
Công ty Cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh		
Doanh thu thi công máy	2.983.387.273	1.400.334.545
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào		
Doanh thu xây dựng	631.472.795	6.744.928.205
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh		
Doanh thu thi công máy	1.970.310.000	109.213.636
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
Dịch vụ	3.679.337.273	22.388.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓASố 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội		
Doanh thu bán hàng	7.543.173.886	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh		
Doanh thu xây dựng	-	3.951.911.818
Doanh thu phòng khám	9.272.727	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Vinh Phú		
Doanh thu thi công máy	1.798.495.455	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình		
Doanh thu thi công máy	2.299.586.364	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên		
Doanh thu thi công máy	1.397.074.545	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt		
Doanh thu xây dựng	10.396.363.636	-
Công ty Cổ phần Viễn Thông tin Tín hiệu Đường sắt		
Mua vật tư, hàng hóa	837.176.819	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh		
Mua vật tư, hàng hóa	187.500.000	-
Công ty Cổ phần TTHH ĐS Hà Nội		
Mua vật tư, hàng hóa	291.001.462	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Mua vật tư, hàng hóa	40.935.309.509	44.478.099.777
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
Mua vật tư, hàng hóa	512.747.273	20.352.727

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.10, không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Hoạt động công ích

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động công ích	Đơn vị tính: VND Cộng
Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	300.919.585.422	94.602.523.635	395.522.109.057
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	298.608.652.810	94.297.469.308	392.906.122.118
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.310.932.612	305.054.327	2.615.986.939
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	473.924.400	149.660.337	623.584.737
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.856.948.405	902.194.233	3.759.142.638
Số dư tại ngày 31/12/2016			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	136.004.403.794	42.948.759.093	178.953.162.887
- Tài sản không phân bổ	136.004.403.794	42.948.759.093	293.081.888.666
Tổng tài sản	205.315.786.709	64.836.564.224	270.152.350.933
- Nợ phải trả bộ phận			8.000.000
- Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	205.315.786.709	64.836.564.224	270.160.350.933

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	04/01/2016	31/12/2016	04/01/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.128.725.779	35.509.635.118	114.128.725.779	35.509.635.118
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.782.818.133	202.181.842.733	112.782.818.133	202.181.842.733
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	226.911.543.912	237.691.477.851	226.911.543.912	237.691.477.851

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	04/01/2016	31/12/2016	04/01/2016
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	160.911.647.774	102.293.422.750	160.911.647.774	102.293.422.750
Vay và nợ	53.940.000.000	66.830.000.000	53.940.000.000	66.830.000.000
Chi phí phải trả	27.387.500	-	27.387.500	-
Các khoản phải trả khác	264.379.180	2.642.861.331	264.379.180	2.642.861.331
Cộng	215.143.414.454	171.766.284.081	215.143.414.454	171.766.284.081

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả cho người bán	160.911.647.774	-	-	160.911.647.774
Vay và nợ	53.940.000.000	-	-	53.940.000.000
Chi phí phải trả	27.387.500	-	-	27.387.500
Các khoản phải trả khác	264.379.180	-	-	264.379.180
Cộng	215.143.414.454	-	-	215.143.414.454
Tại ngày 04/01/2016				
Phải trả cho người bán	102.293.422.750	-	-	102.293.422.750
Vay và nợ	66.830.000.000	-	-	66.830.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.642.861.331	-	-	2.642.861.331
Cộng	171.766.284.081	-	-	171.766.284.081

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Đường sắt Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa) được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Bùi Thị Kiều Nga

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Oanh

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Hoàng Gia Khánh